



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Địa chỉ: Số 65 Phạm Thái Duật - Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội - Việt Nam
Điện thoại: 84-2432262215 / 84-2432262216 Fax: 84-2439335738 * Website: www.nifc.gov.vn

Số: 22554/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TEST REPORT

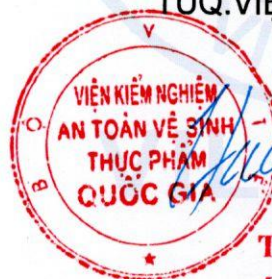
1. Tên mẫu: Creamer đặc có đường - Nhãn hiệu Ngôi sao phương nam (cam) (T-SĐCĐ-11)
2. Mã số mẫu: 10174910/DV.4
3. Mô tả mẫu: Nguyên hộp - Số lượng: 3
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Theo hướng dẫn QLCL.HD.LM.01
6. Ngày lấy mẫu: Không có
7. Ngày nhận mẫu: 24/10/2017
8. Thời gian thử nghiệm: 24/10/2017 - 10/11/2017
9. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần Sữa Việt Nam - Vinamilk
Địa chỉ: 10 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP Hồ Chí Minh
10. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
10.1*	<i>Enterobacteriaceae</i>	CFU/g	TCVN 5518-2:2007	KPH (LOD: 5 CFU/g)
10.2*	<i>L. monocytogenes</i>	CFU/g	TCVN 7700-2:2007	KPH (LOD: 10 CFU/g)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2017

TUQ.VIỆN TRƯỞNG



TRƯỞNG PHÒNG KHĐT&CĐT
ThS.Nguyễn Thị Thanh Huyền



Số: 22555/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: Creamer đặc có đường - Nhãn hiệu Ngôi sao phương nam (cam) (T-SĐCĐ-11)
2. Mã số mẫu: 10174910/DV.4
3. Mô tả mẫu: Nguyên hộp - Số lượng: 3
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Theo hướng dẫn QLCL.HD.LM.01
6. Ngày lấy mẫu: Không có
7. Ngày nhận mẫu: 24/10/2017
8. Thời gian thử nghiệm: 24/10/2017 - 10/11/2017
9. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần Sữa Việt Nam - Vinamilk
Địa chỉ: 10 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP Hồ Chí Minh
10. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Kim loại nặng

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
10.1	Hàm lượng Thiếc	mg/kg	H.HD.QT.429 (ICP-MS)	4,0
10.2	Hàm lượng Arsenic	mg/kg	H.HD.QT.429 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,002 mg/kg)
10.3	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	H.HD.QT.429 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,002 mg/kg)
10.4	Hàm lượng Chì	mg/kg	H.HD.QT.429 (ICP-MS)	0,015
10.5	Hàm lượng Stibi	mg/kg	H.HD.QT.429 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,002 mg/kg)
10.6	Hàm lượng Thủy ngân	mg/kg	H.HD.QT.429 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,002 mg/kg)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2017

TUQ.VIỆN TRƯỞNG



TRƯỞNG PHÒNG KHĐT&CĐT
ThS.Nguyễn Thị Thanh Huyền



Số: 22557/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: Creamer đặc có đường - Nhãn hiệu Ngôi sao phương nam (cam) (T-SĐCĐ-11)
2. Mã số mẫu: 10174910/DV.4
3. Mô tả mẫu: Nguyên hộp - Số lượng: 3
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Theo hướng dẫn QLCL.HD.LM.01
6. Ngày lấy mẫu: Không có
7. Ngày nhận mẫu: 24/10/2017
8. Thời gian thử nghiệm: 24/10/2017 - 10/11/2017
9. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần Sữa Việt Nam - Vinamilk
Địa chỉ: 10 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP Hồ Chí Minh
10. Kết quả thử nghiệm: Độc tố vi nấm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
10.1*	Hàm lượng Aflatoxin M1	µg/kg	H.HD.QT.109 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,1 µg/kg)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2017

TUQ.VIỆN TRƯỞNG



TRƯỞNG PHÒNG KHĐT&CĐT
ThS.Nguyễn Thị Thanh Huyền



Số: 22556/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên mẫu: Creamer đặc có đường - Nhãn hiệu Ngôi sao phương nam (cam) (T-SĐCĐ-11)
2. Mã số mẫu: 10174910/DV.4
3. Mô tả mẫu: Nguyên hộp - Số lượng: 3
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Theo hướng dẫn QLCL.HD.LM.01
6. Ngày lấy mẫu: Không có
7. Ngày nhận mẫu: 24/10/2017
8. Thời gian thử nghiệm: 24/10/2017 - 10/11/2017
9. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần Sữa Việt Nam - Vinamilk
Địa chỉ: 10 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP Hồ Chí Minh
10. Kết quả thử nghiệm: Melamin

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
10.1*	Hàm lượng Melamin	µg/kg	H.HD.QT.133 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 5 µg/kg)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2017

TUQ.VIỆN TRƯỞNG



TRƯỞNG PHÒNG KHĐT&CĐT
ThS.Nguyễn Thị Thanh Huyền



Số: 003586 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 02916.18

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP.HCM.
Tên mẫu : CREAMER ĐẶC CÓ ĐƯỜNG - NGÔI SAO PHƯƠNG NAM (CAM) (V - SĐCĐ - 7)
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 02 hộp x 380 g
Ngày nhận mẫu : 12/02/2018
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Clenbuterol	Ref. CLG-AGON1.08	Không phát hiện MLOD = 10 µg/kg	24/02/2018
2	Cyfluthrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,03 mg/kg	24/02/2018
3	Cyhalothrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 20 µg/kg	24/02/2018
4	Deltamethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	24/02/2018
5	Albendazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	24/02/2018
6	Amoxicillin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 3,0 µg/kg	26/02/2018
7	Cypermethrin và alpha-cypermethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	24/02/2018
8	Monensin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 1,5 µg/kg	24/02/2018
9	Dexamethasone	HD.PP.08-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	26/02/2018
10	Tylosin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 15,0 µg/kg	26/02/2018
11	Benzylopenicillin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 1,0 µg/kg	26/02/2018
12	Procain benzylopenicilin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 1,0 µg/kg	26/02/2018

Mã số mẫu: 02916.18

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
13	Clortetracyclin	Ref. AOAC 995.09	Không phát hiện MLOD = 1,5 µg/kg	23/02/2018
14	Oxytetracyclin	Ref. AOAC 995.09	Không phát hiện MLOD = 1,5 µg/kg	23/02/2018
15	Tetracyclin	Ref. AOAC 995.09	Không phát hiện MLOD = 1,5 µg/kg	23/02/2018
16	Dihydrostreptomycin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	22/02/2018
17	Streptomycin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	22/02/2018
18	Gentamicin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	22/02/2018
19	Spiramycin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 5,0 µg/kg	26/02/2018
20	Ceftiofur	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 30,0 µg/kg	26/02/2018
21	Lincomycin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 30,0 µg/kg	26/02/2018
22	Neomycin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 150 µg/kg	22/02/2018
23	Pirlimycin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 30,0 µg/kg	26/02/2018
24	Spectinomycin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	22/02/2018
25	Sulfadimidin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 3,0 µg/kg	26/02/2018
26	Diminazen	Ref. J.AOAC, Vol 86, (2003)	Không phát hiện MLOD = 30,0 µg/kg	26/02/2018
27	Doramectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3,0 µg/kg	26/02/2018
28	Eprinomectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3,0 µg/kg	26/02/2018
29	Febantel	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	24/02/2018
30	Fenbendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	24/02/2018
31	Oxfendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	24/02/2018
32	Imidocarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	24/02/2018
33	Isometamidium	Ref. J.Chroma.B, 879 (2011)	Không phát hiện MLOD = 30,0 µg/kg	26/02/2018
34	Ivermectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3,0 µg/kg	26/02/2018
35	Thiabendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	24/02/2018
36	Trichlorfon (Metrifonat)	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	24/02/2018

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2018

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP
KHU VỰC PHÍA NAM



Ths. Nguyễn Đức Thịnh



VT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Ths.Bs Phạm Kim Anh



Số: **003527** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 02917.18

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP.HCM.
Tên mẫu : CREAMER ĐẶC CÓ ĐƯỜNG - NGÔI SAO PHƯƠNG NAM (CAM) (V - SĐCĐ - 7)
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 02 hộp x 380 g
Ngày nhận mẫu : 12/02/2018
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Endosulfan	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	24/02/2018
2	Chlorpyrifos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	24/02/2018
3	Dimethoate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	24/02/2018
4	Disulfoton	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	24/02/2018
5	Ethephon	Ref. EURL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	22/02/2018
6	Fipronil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	24/02/2018
7	Lindan	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	24/02/2018
8	Aldrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	24/02/2018
9	Dieldrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	24/02/2018
10	Chlordane	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,001 mg/kg	24/02/2018
11	DDT	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	24/02/2018
12	Heptachlor	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	24/02/2018

Mã số mẫu: 02917.18

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
13	Piperonyl butoxide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 20 µg/kg	23/02/2018
14	Abamectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	24/02/2018
15	Chlormequat	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,15 mg/kg	22/02/2018
16	Methamidophos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	24/02/2018
17	Penconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	24/02/2018
18	Spinosad	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,5 mg/kg	24/02/2018
19	Tebufozide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	24/02/2018
20	Flumethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	24/02/2018

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2018

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP
KHU VỰC PHÍA NAM

VIỆN TRƯỞNG

Ths. Bùi Đăng Thiên Hương



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Ths.Bs Phạm Kim Anh

Số: 004703 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 03894.18

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, Q.7, TP.HCM
Tên mẫu : CREAM ĐẶC CÓ ĐƯỜNG NGÔI SAO PHƯƠNG NAM(CAM)
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-SĐCD-15
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 04 hộp x 380 g
Ngày nhận mẫu : 12/03/2018
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Cyfluthrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,03 mg/kg	15/03/2018
2	Cypermethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
3	Deltamethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	15/03/2018
4	Bifenthrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
5	Chlorpyrifos-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
6	Diclorvos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	15/03/2018
7	Methidathion	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0005 mg/kg	15/03/2018
8	Diazinon	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	15/03/2018
9	Diphenylamin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0003 mg/kg	15/03/2018
10	Fenpropathrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	15/03/2018
11	Fenvalerate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	15/03/2018



Mã số mẫu: 03894.18

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
12	Permethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	15/03/2018
13	Phorate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
14	Propargite	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	15/03/2018
15	Acephate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	15/03/2018
16	Aldicarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
17	Aminopyralid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	15/03/2018
18	Amitraz	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
19	2,4-D	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	16/03/2018
20	Bentazone	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	15/03/2018
21	Bifenazate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
22	Bitertanol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
23	Carbaryl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
24	Carbendazim	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
25	Carbofuran	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
26	Carbosulfan	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	15/03/2018
27	Chlorpropham	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0004 mg/kg	15/03/2018
28	Clethodim	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
29	Clofentezine	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
30	Cyhexatin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
31	Cyprodinil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0003 mg/kg	15/03/2018
32	Cyromazin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
33	Difenoconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	15/03/2018
34	Dimethenamid-p	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
35	Dimethipin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
36	Dimethomorph	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
37	Diquat	Ref. EURL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	18/03/2018

Đ/C: 159 Hưng phú, Phường 8, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh



Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
38	Dithiocarbamate	Ref. CRL, Version 2 (2009)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	13/03/2018
39	Ethoprophos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
40	Fenamiphos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	15/03/2018
41	Fenbuconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
42	Fenbutatin oxide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
43	Fenpropimorph	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
44	Fludioxonil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
45	Flutolanil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
46	Glufosinat-ammonium	Ref. EUL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	18/03/2018
47	Imidacloprid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	15/03/2018
48	Indoxacarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	15/03/2018
49	Kresoxim-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
50	Methomyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	15/03/2018
51	Methoxyfenozide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
52	Myclobutanil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
53	Novaluron	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,2 mg/kg	15/03/2018
54	Oxamyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	15/03/2018
55	Oxydemeton-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
56	Paraquat	Ref. EURL-SRM, version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,0015 mg/kg	18/03/2018
57	Pirimicarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
58	Pirimiphos-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
59	Prochloraz	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
60	Profenofos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
61	Propamocarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
62	Propiconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
63	Pyraclostrobin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	15/03/2018

Mã số mẫu: 03894.18

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
64	Pyrimethanil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
65	Quinoxifen	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
66	Tebuconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
67	Terbufos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
68	Thiacloprid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
69	Triadimefon	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
70	Triadimenol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
71	Trifloxystrobin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	15/03/2018
72	Vinclozolin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
73	Dicofol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	15/03/2018
74	Diflubenzuron	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	15/03/2018
75	Famoxadone	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	15/03/2018
76	Fenhexamid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
77	Fenpyroximate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	15/03/2018
78	Flusilazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
79	Methoprene	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	15/03/2018

Ghi chú:

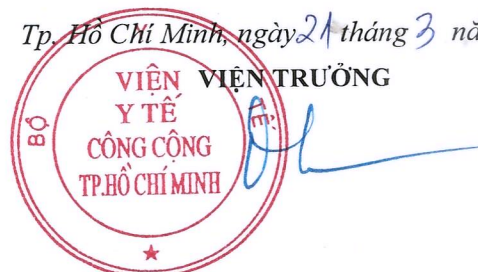
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP
KHU VỰC PHÍA NAM**



Ths. Nguyễn Đức Thịnh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2018



PGS.TS.BS Đặng Văn Chính

Số: **004976** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 04344.18

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP.HCM.
Tên mẫu : CREAMER ĐẶC CÓ ĐƯỜNG - NGÔI SAO PHƯƠNG NAM (CAM)
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu: V- SĐCĐ- 7
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 380 g
Ngày nhận mẫu : 16/03/2018
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Clenbuterol	HD.PP.43-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,014 µg/kg	19/03/2018
2	Colistin	HD.PP.30/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 15,0 µg/kg	17/03/2018

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP
KHU VỰC PHÍA NAM

P.

Ths. Nguyễn Đức Thịnh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2018

VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Ths.Bs Phạm Kim Anh